

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HSST

Ngày 23-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chấn

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2025/TLST-HS ngày 17/3/2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 18/3/2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày 28/3/2025, đối với bị cáo:

Vũ Thị H - Giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh năm 1989; nơi sinh: Thanh Hóa; ĐKKTT tại: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Không có nơi ở cố định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Vũ Văn B (c) và con bà: Bùi Thị T; chồng: Trần Trọng L (c); có 01 con, sinh năm 2010; TATS: Theo danh chỉ bản số 603 ngày 12/12/2024 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo không có tiền sự và có 01 tiền án: Ngày 13/01/2023, Tòa án nhân dân huyện G, Hà Nội xử phạt Vũ Thị H 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 10/2023/HS-ST ngày 13/01/2023); Vũ Thị H kháng cáo. Ngày 17/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Thị H 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 17/5/2023 (Bản án số 397/2023/HS-PT ngày 17/5/2023). Ngày 01/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định thi hành án số 206/2023/QĐ-CA buộc Vũ Thị H phải chấp hành

hình phạt 09 tháng tù. Ngày 24/10/2024, H chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương. Ngày 08/6/2023, Vũ Thị H đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1068 ngày 08/6/2023. Theo đó số tiền 1.900.000 đồng và 03 chỉ vàng thu giữ của chị H chuyển thành tiền bồi thường trả cho ông Nguyễn Đình L1 tương đương số tiền bồi thường 18.000.000 đồng Vũ Thị H phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình L1.

Bị cáo đầu thú và tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 13/12/2024 chuyển tạm giam; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1952; nơi ĐKKHKT tại: Thôn Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội; (xin vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1951; nơi ĐKKHKT tại: Thôn Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội; (xin vắng mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội; (xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 06/12/2024, H đã nảy sinh ý định đi loanh quanh trong khu vực thôn K, xã D, huyện G, Hà Nội để tìm xem gia đình nào chỉ có người già ở nhà thì đến chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý đồ trên, khoảng 09 giờ 30 ngày 06/12/2024, H điều khiển xe máy Honda Vision, màu đen-đỏ, BKS: 29C1-400.18 đi đến nhà bà Đinh Thị M giả vờ hỏi thuê nhà. Thấy vậy, bà M đọc số điện thoại của con trai bà M là anh Hoàng Văn B1, sinh năm: 1980, trú tại: thôn K, xã D, huyện G, Hà Nội cho H trao đổi. H sử dụng điện thoại Iphone 14 Promax màu tím bên trong lắp số điện thoại 0927095662 gọi điện cho anh B1 thì anh B1 bảo H gọi cho chị gái là Hoàng Thị H3, sinh năm: 1978, trú tại: thôn L, xã D, huyện G, Hà Nội. H đồng ý và dùng điện thoại di động gọi cho chị H3 hỏi thuê nhà thì chị H3 đồng ý. Sau đó, H có đưa điện thoại cho bà M nói chuyện; sau đó, bà M dẫn H xuống xem nhà. Để tạo niềm tin cho bà M, khi nói chuyện H nói dối là quen biết một số người ở trong làng, H nói tên một số người mà trước đó H đã hỏi được để bà M tin tưởng. Sau đó, H nói dối là đang cần tiền để làm ăn nên muốn vay bà M số tiền 20.000.000 đồng; sau một tháng, H sẽ trả lại cho bà M cả gốc và lãi là 22.000.000 đồng. Bà M đồng ý

và đi vào trong phòng ngủ ở tầng 1 để lấy tiền cho H vay. Lúc này, H đi theo và đứng ở cửa phòng. H thấy bà M lấy chìa khóa mở cửa tủ và lấy tiền ở trong túi ra đếm rồi đưa cho H số tiền 19.500.000 đồng. Sau đó, bà M nhờ H khóa cửa tủ lại thì H không khóa mà chỉ rút chìa ra đưa cho bà với mục đích lợi dụng sơ hở sẽ mở cửa tủ để tìm xem có tài sản bên trong sẽ trộm cắp. Sau đó, H nhờ bà M đi chợ mua rau thì bà đồng ý. Lợi dụng lúc bà M không có nhà, Hà đã lén lút đi vào trong phòng ngủ của bà M, mở cửa tủ ra, thấy một ngăn kéo nhỏ ở dưới cùng. H kéo ngăn tủ ra thì thấy có một chiếc hộp màu trắng. H mở hộp thấy bên trong có dây chuyền bằng vàng, lắc tay bằng vàng, nhẫn bằng vàng, vòng bạc và vòng đá màu xanh. Thấy vậy, H lấy một chiếc dây chuyền vàng, một nhẫn bằng vàng, một lắc tay bằng vàng cho vào túi xách mà H đang đeo trên người. Sau đó, H đóng cửa tủ ra lấy xe máy rồi bỏ trốn. Cùng ngày, H đến cửa hàng vàng bạc K của chị Vũ Thị H2 để bán số vàng vừa trộm cắp được của bà M. Tại đây, H bán chiếc dây chuyền bằng vàng ta 6 chỉ với số tiền 48.780.000 đồng và một chiếc lắc vàng tây vừa trộm cắp được là 1,622 chỉ với số tiền 4.785.000 đồng; sau đó, H mua một dây chuyền vàng ta 3 chỉ với giá 25.340.000 đồng. Chị H2 trả lại cho H số tiền 28.225.000 đồng thì H mua thêm một chiếc nhẫn vàng ta 01 chỉ với giá 8.130.000 đồng. Đến sáng ngày 07/12/2024, H đến cửa hàng vàng trên bán chiếc nhẫn vàng ta 02 chỉ trộm cắp được ngày 06/12/2024 và một chiếc lắc vàng ta 03 chỉ của H có từ trước được tổng số tiền 41.600.000 đồng, trong đó chiếc nhẫn trộm cắp được bán được số tiền 16.640.000 đồng. Sau đó, H có mua một chiếc vòng tay đặc vàng ta 7 chỉ vàng với tổng số tiền 58.640.000 đồng. Ngày 06/12/2024, Công an xã D, huyện G, Hà Nội nhận được đơn trình báo của bà Đinh Thị M. Ngày 07/12/2024, Vũ Thị H đã đến Công an huyện G đầu thú.

Cũng với thủ đoạn như trên, khoảng 16 giờ ngày 02/12/2024, Vũ Thị H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen-đỏ, BKS: 29C1-400.18 đi đến nhà bà Nguyễn Thị H1 để hỏi thuê phòng trọ. Bà H1 đồng ý cho H thuê phòng ngủ tầng 1 với giá 1.000.000 đồng/1 tháng, H phải nộp tiền trước cho bà H1 1.000.000 đồng. Để tạo lòng tin cho bà H1, H đã đưa cho bà H1 số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, H hỏi vay bà H1 15.000.000 đồng và hứa đến 20 giờ cùng ngày sẽ trả lại cho bà H1. Bà H1 đồng ý và yêu cầu H viết giấy vay nợ làm tin thì H đã lấy tên “Bùi Thu H4” và viết giấy vay nợ với nội dung “Bùi Thị H4 cháu có mượn bà H1 15.000.000 (mười lăm triệu đồng chẵn). Cháu hẹn 8 giờ tối nay trả cho bà”. Do tin tưởng, bà H1 đã đưa cho H số tiền 15.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi cầm được tiền và viết giấy vay nợ xong thì H nói đi ra ngoài có việc lát sẽ quay lại. Sau đó, H đã lái xe máy bỏ trốn và

chiếm đoạt số tiền trên của bà H1. Ngày 23/12/2024, bà Nguyễn Thị H1 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G trình báo sự việc trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 309/KL-HĐĐGTS ngày 13/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện G kết luận: 01 (Một) sợi dây chuyền đeo cổ bằng vàng 24K, 06 chỉ của bà M có giá 49.500.000 đồng (8.250.000 đồng/1 chỉ); 01 (Một) chiếc nhẫn bằng vàng 24K, 02 chỉ của bà M có giá 16.400.000 đồng (8.250.000 đồng/1 chỉ); 01 (Một) chiếc lắc đeo tay bằng vàng 10K 1,622 chỉ của bà M có giá 5.050.000 đồng (3.113.440 đồng/1 chỉ). Tổng cộng 70.950.000 đồng.

Tại Bản Kết luận giám định số 546/KL-KTHS ngày 15/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

- Niêm phong có chữ ký của Vũ Thị H bên trong gồm:
 - + 01 Chiếc vòng tay bằng kim loại màu vàng, đường kính 06cm có khối lượng 26,257 gam, có hàm lượng Vàng 99,99%.
 - + 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 46cm có khối lượng: 11,252gam, có hàm lượng Vàng 99,99%.
 - + 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (trên mặt có gắn các hạt màu trắng) có khối lượng: 3,832 gam (Tính cả khối lượng của các hạt màu trắng), có hàm lượng vàng 99,99%.
 - + 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (trên mặt có gắn các hạt màu trắng) có khối lượng: 3,837 gam (tính cả khối lượng của các hạt màu trắng), có hàm lượng vàng: 99,99%.
- Niêm phong có chữ ký của Vũ Thị H2 bên trong gồm:
 - + 01 chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng, dài 17,5cm có khối lượng 6,083 gam, có hàm lượng Vàng: 45,37%, hàm lượng đồng: 48,83%, hàm lượng Kẽm: 5,80%;
 - + 01 khối kim loại màu vàng, kích thước (2,5x1x0,5)cm có khối lượng: 29,076gam, có hàm lượng Vàng: 99,99%.

Tại Bản kết luận giám định số 697/KL-KTHS ngày 17/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hà Nội kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen đỏ đeo BKS: 29C1-400.18, số khung: RLHJF580XEY815772 là số nguyên thủy; số máy có dấu vết đóng lại 02 ký tự, xác định được số nguyên thủy là: JF58E-08?58?7 (Ký tự “?” không xác định được); Không giám định BKS 29C1-400.18 do không có mẫu so sánh.

Tại bản cáo trạng số: 45/CT-VKSGL ngày 13/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Vũ Thị H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo

điểm c khoản 2 Điều 173 và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính:

+ Đối với hành vi trộm cắp tài sản: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, i, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 38, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị H: 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 38, 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị H: 26 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt đối với cả 2 tội danh theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự: buộc bị cáo Vũ Thị H phải chấp hành hình phạt tù 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2024.

- Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung công: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím, số IMEI là 358034165098242 bên trong lắp số điện thoại 0927095662 máy cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen - đỏ, số máy: JF58E-0845847, số khung: RLHJF580XEY815772, xe không có gương chiếu hậu, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 BKS: 29C1 - 400.18 do đây là các công cụ, phương tiện mà bị cáo đã sử dụng vào mục đích phạm tội.

- Trao trả cho bị cáo số tiền 22.700.000 đồng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Về trách nhiệm dân sự: Không.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản, bản Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 02/12/2024, tại: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội, bị cáo Vũ Thị H có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H1.

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 06/12/2024, tại: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội, bị cáo Vũ Thị H có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 19.500.000 đồng và lén lút bí mật trộm cắp (01) một dây chuyền đeo cổ bằng vàng 24k 06 chỉ; (01) một chiếc nhẫn bằng vàng 24k 2 chỉ; (01) một chiếc lắc đeo tay bằng vàng 10k 1,622 chỉ của bà Đinh Thị M có tổng trị giá 70.950.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Vũ Thị H lừa đảo chiếm đoạt của bà Đinh Thị M và bà Nguyễn Thị H1 là 34.500.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu

tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

[4]. Hành vi của bị cáo Vũ Thị H đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6]. Về tình tiết tăng nặng:

[6.1]. Nhân thân của bị cáo có 01 tiền án: Ngày 13/01/2023, Tòa án nhân dân huyện G, Hà Nội xử phạt Vũ Thị H 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng (Bản án số 10/2023/HS-ST ngày 13/01/2023). Vũ Thị H kháng cáo. Ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Thị H 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 17/5/2023 (Bản án số 397/2023/HS-PT ngày 17/5/2023). Ngày 01/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Q, Thanh Hoá ra Quyết định thi hành án số 206/2023/QĐ-CA buộc Vũ Thị H phải chấp hành hình phạt tù 09 tháng. Ngày 24/10/2024, H chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương. Ngày 08/6/2023, Vũ Thị H đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1068 ngày 08/6/2023. Theo đó số tiền 1.900.000 đồng và 03 chỉ vàng thu giữ của chị H chuyển thành tiền bồi thường trả cho ông Nguyễn Đình L1 tương đương số tiền bồi thường 18.000.000 đồng Vũ Thị H phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình L1. Do đó, hành vi phạm tội lần này của bị cáo Vũ Thị H thuộc trường hợp: Tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6.2]. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị hại là bà Đinh Thị M và bà Nguyễn Thị H1 đều trên 70 tuổi nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội với người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6.3]. Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị H thuộc trường hợp: Phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho các bị hại; bị cáo đang có thai; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo

đầu thú và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về việc áp dụng hình phạt:

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định ở trên là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9]. Ngày 17/01/2025, chị Vũ Thị H2 có đơn đề nghị Cơ quan điều tra xem xét trao trả cho chị H2 khối kim loại bằng vàng và chiếc lắc tay bằng vàng chị H2 giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 07/12/2024. Ngày 18/01/2025, bị cáo Vũ Thị H có đề nghị Cơ quan điều tra xem xét trao trả cho bà M một chiếc lắc tay bằng vàng ta 07 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng vàng ta 01 chỉ và một chiếc dây chuyền bằng vàng ta 03 chỉ, H giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 07/12/2024 để H bồi thường và khắc phục hậu quả cho bà M. Ngoài ra, H đề nghị Cơ quan điều tra xem xét trao trả cho bà H1 số tiền 15.000.000 đồng từ số H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Tuy nhiên, gia đình H đã bồi thường cho bà H1 số tiền 15.000.000 đồng. Bà M đồng ý với việc Vũ Thị H bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà M theo như đề nghị của Vũ Thị H. Do đó, ngày 22/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trao trả cho bà Đinh Thị M 01 (Một) chiếc vòng tay bằng kim loại màu vàng, đường kính 06cm, khối lượng 26,257 gam, có hàm lượng vàng 99,99%; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng sáng màu dài 46cm, khối lượng 11,252 gam, có hàm lượng vàng 99,99% và 01 (Một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng đường kính 02cm (trên mặt có hình đồng tiền), khối lượng 3,837 gam, có hàm lượng vàng 99,99%; đồng thời trao trả cho chị Vũ Thị H2 01 (Một) chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng dài 17,5cm, có khối lượng 6,083 gam, có hàm lượng Vàng: 45,37%, hàm lượng Đồng: 48,83%; hàm lượng Kẽm: 5,80% và 01 (Một) khối kim loại sáng màu kích thước (2,5x1x0,5)cm có khối lượng 29,076 gam, có hàm lượng Vàng 99,99%. Bà M, bà H1 và chị H2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung:

[10]. Xét thấy bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng:

[11]. Thu giữ của bị cáo số tiền 22.700.000 đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

[12]. Thu giữ của bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím, số IMEI là 358034165098242 bên trong lắp số điện thoại 0927095662 máy cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy là điện thoại của bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần cho tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ.

[13]. Thu giữ của bị cáo 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen đỏ, BKS: 29C1-400.18, số máy: JF58E-0845847, số khung: RLHJF580XEY815772, xe không có gương chiếu hậu, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy. Qua điều tra xác định: Chiếc BKS: 29C1-400.18 là của chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio màu trắng, đăng ký tên anh Đỗ Duy H5, sinh năm: 1969; nơi ĐKTT: phố H, phường H, quận H, Hà Nội. Năm 2014, anh H5 có mua mới và đăng ký chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio màu trắng, BKS: 29C1-400.18. Anh H5 sử dụng chiếc xe máy đến khoảng năm 2020 thì anh H5 bán cho một người đàn ông anh H5 không quen biết. Hiện ai là người quản lý, sử dụng chiếc xe máy anh H5 không biết. Quá trình xác minh số khung: RLHJF580XEY815772, số máy: JF58E-0815817 là của chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen, BKS: 36B4-763.79, đăng ký tên Lê Thị P, địa chỉ: Thôn M, thị trấn N, huyện N, Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã tiến hành làm việc với bà Lê Thị P, sinh năm: 1953; nơi ĐKTT: Tiểu Khu T, thị trấn N, huyện N, Thanh Hóa và được bà P cung cấp: Từ trước đến nay, bà P không đăng ký, sử dụng chiếc xe máy nào nhãn hiệu Honda Vision màu đen, BKS: 36B4-763.79. Tuy nhiên, bị cáo sử dụng chiếc xe máy vào mục đích phạm tội nên cần cho tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ.

[14]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về vấn đề khác:

[15]. Đối với 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng sáng màu (trên mặt có gắn các hạt màu trắng) đường kính khoảng 02cm, có hàm lượng vàng 99,99%. Quá trình điều tra, bị cáo đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện G trao trả cho anh Ngô Tiến M1, SN: 1966, trú tại: Xã Q, huyện Q,

Thanh Hóa (là anh trai của H) chiếc nhẫn trên. Ngày 22/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện G đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng sáng màu (trên mặt có gắn các hạt màu trắng) đường kính khoảng 02cm, có hàm lượng vàng 99,99% cho anh Ngô Tiến M1 là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[16]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[17]. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị H **30 (Ba mươi)** tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và **26 (Hai mươi sáu)** tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của nhiều tội, buộc bị cáo Vũ Thị H phải chấp hành **56 (Năm mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2024.

2. Về hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

4.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím, số IMEI là 358034165098242, bên trong lắp sim số điện thoại 0927095662 máy cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen - đỏ, BKS: 29C1-400.18, số máy: JF58E-0845847, số khung: RLHJF580XEY815772, xe không có gương chiếu hậu, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

4.2. Trả lại cho bị cáo Vũ Thị H số tiền 22.700.000 đồng.

(Hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2025 và Biên lai thu tiền số 0004202 ngày 10/4/2025).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án (về vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện G;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
(Thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và những người TGGT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng